



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

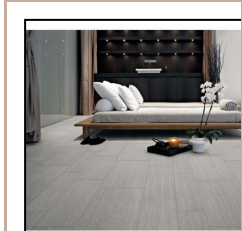
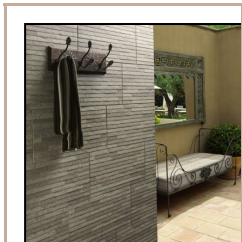
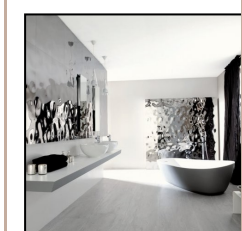
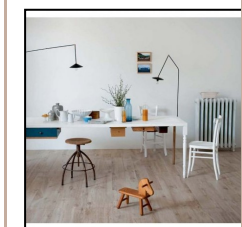
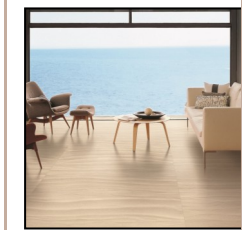
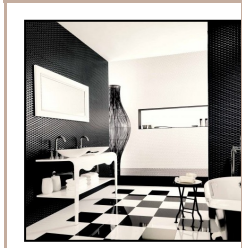
Năm 2014



**VIET CERAMICS**<sup>®</sup>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

# Mục lục



## I. Giới thiệu công ty

- Chặng đường phát triển
- Tầm nhìn, định hướng
- Thông tin chung
- Chiến lược trung và dài hạn
- Cơ cấu bộ máy tổ chức
- Rủi ro

## II. Tình hình hoạt động trong năm

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch
- Tổ chức và nhân sự, lý lịch
- Tình hình nhân lực
- Các khoản đầu tư lớn
- Các công ty con, công ty liên kết
- Tình hình tài chính
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- Cơ cấu cổ đông

## III. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

- Tổng quan hoạt động Công ty
- Những tiến bộ Công ty đạt được
- Tình hình tài sản, nợ phải trả
- Những cải tiến
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

## IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám
- Kế hoạch của Hội đồng quản trị

## V. Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

## VI. Báo cáo tài chính

# Báo cáo thường niên 2014

## Chặng đường phát triển

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển kể từ khi thành lập, đến nay, VietCeramics đã khẳng định thương hiệu và vị thế của mình nhà nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam các sản phẩm gạch của những thương hiệu hàng đầu thế giới không những tại thị trường trong nước mà còn vươn tầm ra khu vực thông qua sự hiện diện ở hàng loạt các dự án thương mại và dân dụng mang đậm dấu ấn thương hiệu.

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011; chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần từ ngày 03 tháng 10 năm 2011. Vốn thành lập ban đầu là

10.000.000.000 đồng, tương đương 1.000.000 cổ phần phổ thông.

Đặc biệt, năm 2012 vừa qua đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mở ra nhiều triển vọng mới trong sự phát triển của công ty, từ mô hình TNHH ban đầu, VietCeramics đã chuyển sang hoạt động chính thức cổ phần với sự tham gia đầu tư của đối tác Hafary Pte. Ltd. (Singapore), đây được xem như một hướng đi tất yếu phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của công ty cũng như xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Với sự hợp tác mới hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển bền vững, cũng như mở ra một nền tảng bền vững, vững chắc cho sự tăng trưởng cao và phát triển mạnh trong tương lai

### VIETCERAMICS

- **Nhà phân phối các sản phẩm gạch, sản phẩm vệ sinh chất lượng cao**
- **Cung cấp các dịch vụ tư vấn thiết kế, dịch vụ vận chuyển và giao nhận, gia công gạch cắt**

## Tầm nhìn, sứ mệnh



### Tầm nhìn

Trở thành nhà phân phối gạch nhập khẩu chất lượng cao hàng đầu tại thị trường Việt Nam

### Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng cuộc sống, hoàn thiện không gian sống bằng những sản phẩm có thiết kế sáng tạo kết hợp cùng các giải pháp đột phá trong công nghệ, gắn liền với việc bảo vệ sức khỏe và phát triển bền vững.

## I. THÔNG TIN CHUNG



Logo công ty Cổ phần  
Quốc tế Gốm sứ Việt

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ  
VIỆT**

**Giấy chứng nhận kinh doanh số:**  
0311028311

**Vốn điều lệ:** 24.250.600.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**  
24.250.600.000 đồng.

**Địa chỉ:** 778K/2 Nguyễn Kiệm, P.4, Q.Phú  
Nhuận, TP.HCM

**Số điện thoại:** (84-8) 3845 7699

**Số Fax:** (84-8) 3845 7388

**Website:** www.vetceramics.com.vn

**Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty diễn ra ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra Công ty cũng mở rộng các đại lý ở các tỉnh thành lớn như: Đà Lạt, Buôn Mê Thuộc, Tiền Giang, Đồng Nai, Vũng Tàu.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

### Mục tiêu

**“...phát triển gấp đôi  
trong vòng 5 năm  
tới”**

**“...là nhà phân phối  
gạch nhập khẩu chất  
lượng cao hàng đầu  
Việt Nam.”**

Mở rộng hệ thống bán lẻ tại TP HCM, Hà Nội, Đà Nẵng và các vùng phụ cận của 3 thành phố lớn này

Chỉ kinh doanh các mặt hàng được đảm bảo chất lượng, mang tính chất đột phá, mới lạ và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng cũng như cộng đồng. Đưa công ty phát triển gấp đôi trong vòng 5 năm tới và là một trong những nhà phân phối gạch nhập khẩu chất

lượng cao hàng đầu Việt Nam.

Mục tiêu đối với môi trường và cộng đồng: Nâng cao chất lượng cuộc sống, hoàn thiện không gian sống cho cộng đồng bằng những sản phẩm thân thiện với môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và cùng khách hàng phát triển bền vững.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Thu nhập của công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cụ thể là:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác;
- Bán buôn các loại đá thiên nhiên, đá hoa cương, đá cẩm thạch;

Ngoài ra công ty còn bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể là:

- Bán lẻ đồ ngũ kim;
- Sơn, véc ni và sơn bóng;
- Kính phẳng; gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;
- Thiết bị và vật liệu để tự làm;

## ĐỐI TÁC

Công ty Vietceramics luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ đối tác phát triển lâu dài và bền vững với các nhà cung cấp chiến lược trong ngoài khu vực. Chúng tôi rất hân hạnh được hợp tác với những Công ty nổi tiếng như FIANDRE, Marazzi, Cotto... Mục tiêu mà Công ty hướng tới là cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao và thiết kế sáng tạo, độc đáo đến khách hàng, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng kể cả những khách hàng khó tính nhất.



## KHÁCH HÀNG

Tuy mới thành lập nhưng với những sản phẩm độc đáo và chất lượng của mình, Vietceramics đã giành được niềm tin của khách hàng ngay từ lần đầu tiếp xúc. Qua một thời gian cùng hợp tác, sản phẩm của Vietceramics đã trở thành vật liệu không thể thiếu các công trình của các Công ty phát triển dự án và các nhà thầu lớn như:



**MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ THỰC HIỆN**



***Everich***



***RMIT University Vietnam***



***The Vista***



***Bitexco Financial Tower***



***Saigon Times Square***



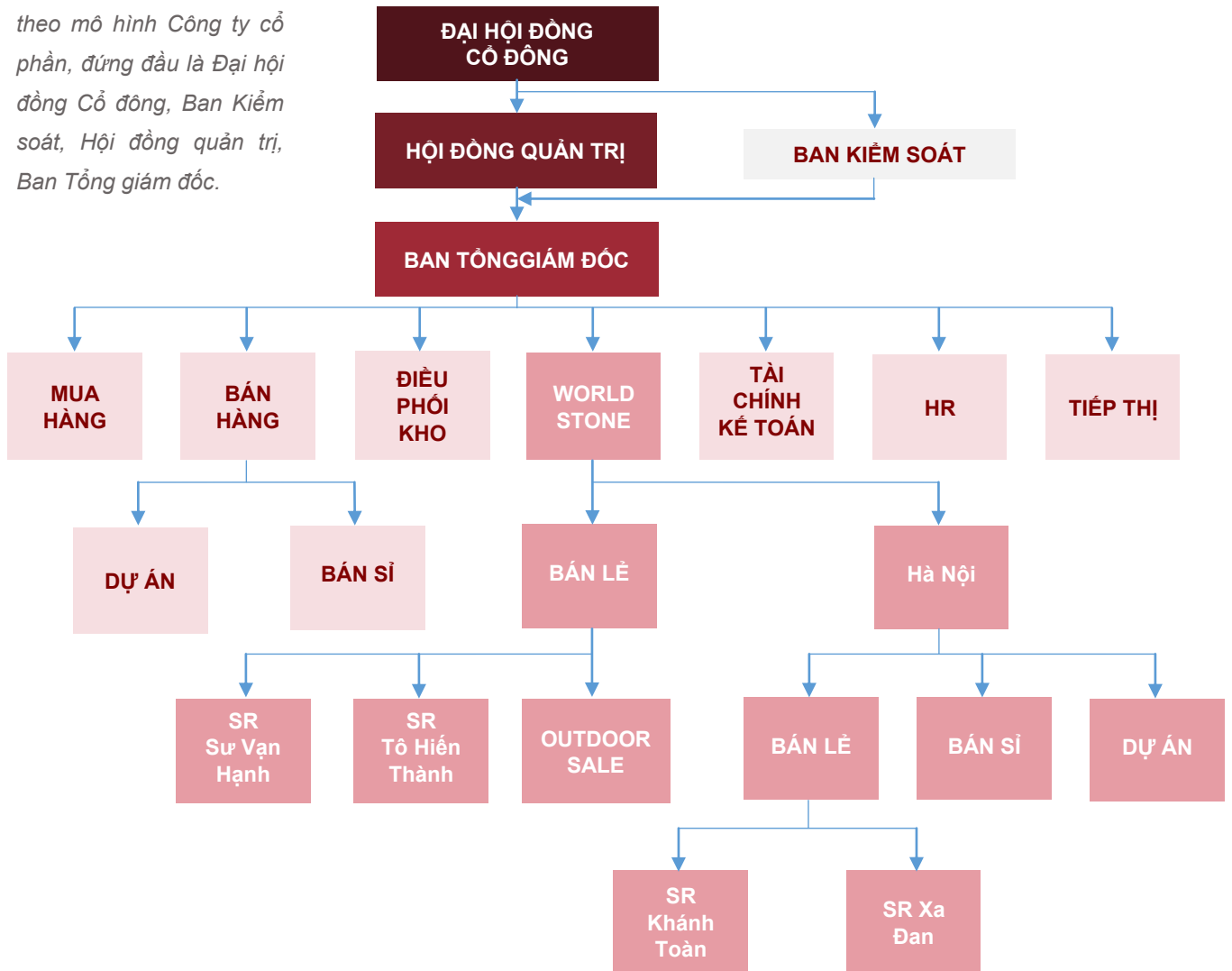
***Equatorial Hotel***



***Esttela***

## CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.



### CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV ĐÁ THẾ GIỚI

Tên giao dịch đối ngoại: WORLD STONE

Trụ sở chính: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Bán bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình

Vốn điều lệ : 600.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của Vietceramics: 100%

### CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.

Tỷ lệ sở hữu của Vietceramics: 49%

Địa chỉ: 105 Eunon Avenue 3 Hafary Centre Singapore 409836

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh



## RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp chuyên về thương mại như Công ty cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt.

#### Tốc độ tăng trưởng

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bình quân thời kỳ 2006-2010 là 7,01%/năm, 2010 - 2013 trung bình là khoảng 5,44%/năm, tốc độ tăng trưởng năm 2013 là 5,4% so với 5,03% của năm 2012.

Chịu ảnh hưởng mạnh của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và đang trong quá trình phục hồi, kinh tế Việt Nam trong năm 2013 đã đạt được một số thành tựu nổi bật, sản xuất bước đầu đã hồi phục, lạm phát ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, tỷ giá, thị trường vàng ổn định, thanh khoản ngân hàng tốt hơn. Tuy nhiên vẫn còn những khó khăn như tốc độ tăng trưởng đang chậm lại, nợ xấu chưa được xử lý triệt để, thâm hụt ngân sách tăng.

Trên kết quả đạt được trong năm 2013, nền kinh tế năm 2014 được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định, tăng trưởng có thể đạt được

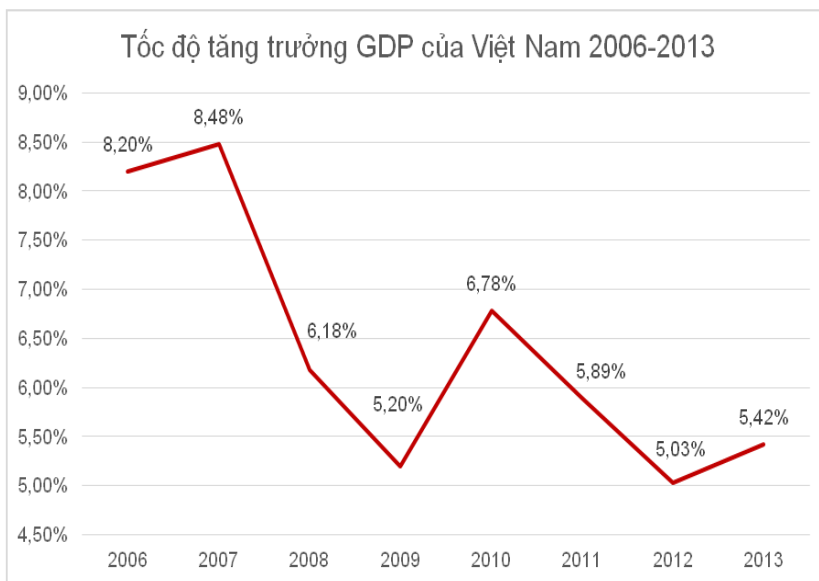
tốc độ hơn 5,4% so với năm 2013. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp, năm 2014 dự đoán vẫn sẽ là một năm khó khăn và thử thách do nền kinh tế cũng chỉ mới trong giai đoạn đầu của sự phục hồi, sức cầu còn yếu, lạm phát vẫn có nguy cơ tiềm ẩn, tỷ giá nhiều khả năng cũng sẽ được điều chỉnh tăng. Với tốc độ tăng trưởng của toàn nền kinh tế tương đương với năm 2013, Vietceramics cho rằng, thời gian tới vừa là thách thức, vừa là cơ hội để Công ty mở rộng quy mô hoạt động và khẳng định thương hiệu phát triển bền vững của mình.

#### Lạm phát

Năm 2014, mục tiêu lạm phát đề ra là khoảng 7% so với mức 6,04% năm 2013, trong khi đó nhiều chuyên gia dự báo có thể ở mức 7,5-8%, đây gần như là một tín hiệu cho thấy Chính phủ chấp nhận nói chỉ tiêu lạm phát để kích thích tăng trưởng. Lạm phát cao dẫn đến chi phí đầu vào tăng, trong khi việc tăng

giá đầu ra có độ trễ đặc biệt trong tình hình nền kinh tế vẫn đang tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, theo đó sẽ phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2014.

Chưa tính tới việc lạm phát sẽ khiến đồng Việt Nam bị mất giá, có thể dẫn đến khả năng tăng tỷ giá đồng ngoại tệ, điều này gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm, lạm phát mới chỉ dừng lại ở mức 1,38% - tương đương 1/5 của mục tiêu cả năm và theo công bố của Ngân hàng Nhà nước, mục tiêu điều hành tỷ giá năm 2014 sẽ không tăng quá 2%. Đây là những thông tin tích cực cho thấy rủi ro này đã được giảm thiểu phần nào. Đồng thời, Ban lãnh đạo luôn theo dõi sát sao tình hình vĩ mô của nền kinh tế để có những biện pháp phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.







## Lãi suất

Lãi suất của các khoản vay sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động của công ty.

Đầu năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã có quyết định chính thức về việc giảm trần lãi suất. Theo đó lãi suất tái cấp vốn từ 7%/năm xuống 6.5%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 5%/năm xuống 4.5%/năm, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 9%/năm xuống 8%/năm. Theo Ngân hàng Nhà nước, việc giảm trần lãi suất là cơ sở để các ngân hàng giảm thêm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp. Với thông tin hỗ trợ này, không những công ty sẽ được hưởng lợi từ việc tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn, mà còn là một thông tin quan trọng để các đối tác kinh doanh của công ty mở rộng hoạt động, dự án, đây chính là nguồn ra cho các sản phẩm của công ty.

Tuy nhiên, hiện nay công ty không sử dụng nợ vay từ các tổ chức tín dụng. Khoản vay ngắn hạn đến từ công ty Hafary PTE LD với lãi suất 4,5% trong 12 tháng.

## Tỷ giá

Phần lớn nguyên liệu, hàng hóa của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài, việc tăng tỷ giá hối đoái đồng nghĩa với việc tăng chi phí cho công ty. Để phòng ngừa những rủi ro này, công ty cần phải luôn theo dõi sát sao quá trình thay đổi tỷ giá của Ngân hàng nhà nước và luôn đưa ra những biện pháp phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

## Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt là công ty đại chúng, mọi hoạt động của công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật liên quan. Ngoài ra, là một tổ chức kinh tế với ngành nghề đặc thù, công ty còn chịu ảnh hưởng bởi Luật Thương mại, Luật Xây dựng, Luật đầu tư, Luật thuế và các quy định liên quan. Những năm gần đây, hệ thống văn bản pháp luật của nước ta đã diễn ra sự thay đổi mạnh mẽ. Những thay đổi về chủ trương, chính sách trong ngành nghề đang hoạt động đều gây áp lực cho công ty cũng như những doanh nghiệp cùng ngành.

## Rủi ro cạnh tranh

Trên thị trường hiện nay có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, cung cấp các sản phẩm gạch, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và các dịch vụ tư vấn liên quan. Giữa Vietceramics và các công ty không chỉ cạnh tranh về mẫu mã, chất lượng mà còn cạnh tranh về giá bán. Do mới thành lập và đi vào hoạt động chưa lâu, Công ty đang đứng trước thách thức lớn khi phải cạnh tranh về giá với

Công ty nổi tiếng cùng ngành như Taicera, Prime... vì sản phẩm của công ty được nhập khẩu và thực hiện công bố hợp quy đúng quy định dẫn đến giá thành sản phẩm cao.

Tuy vậy, với các sản phẩm độc quyền như gạch ốp được nhập khẩu từ các nước Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, cùng các thiết bị vệ sinh độc đáo được nhập khẩu trực tiếp từ Thái Lan, Ý, Đức, CTCP Quốc Tế Gốm sứ Việt tự tin cạnh tranh với các Công ty cùng ngành khác.

## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, còn có một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh,... Tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Đối với những rủi ro hoả hoạn, Công ty cũng đã tuân thủ và áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro cháy nổ.

Đối với những rủi ro hệ thống như chiến tranh, không những riêng Vietceramics mà tất cả các doanh nghiệp hoạt động đều bị ảnh hưởng rất lớn.

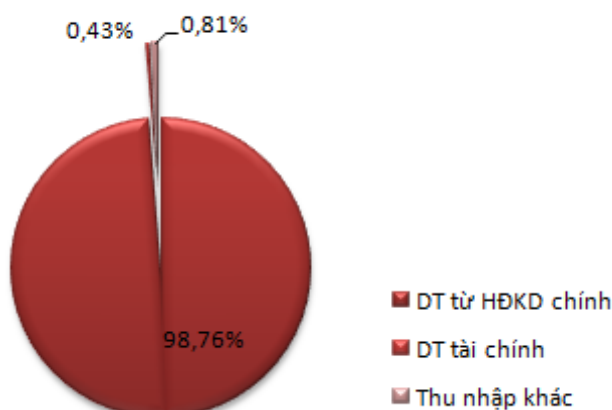
## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Kết thúc năm tài chính từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2014, Công ty đã đạt 231,7 tỷ đồng doanh thu, tăng thêm 94% so với năm 2013 (tính từ 01/07/2012 đến 30/06/2013). Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 228,8 tỷ đồng chiếm 98,75% trong cơ cấu tổng doanh thu. Điều này cho thấy hoạt động của công ty đang tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính. Các doanh thu từ tài chính và khoản thu nhập khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty đạt 28,7 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Vốn chủ sở hữu và tổng tài sản đều tăng mạnh từ 69,9 tỷ lên 91,6 tỷ và từ 23,13 tỷ lên 68,219 tỷ đồng.

### **Cơ cấu doanh thu năm 2014**



### **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Chỉ tiêu	TH 2013 (Triệu đồng)	TH 2014 (Triệu đồng)	% tăng giảm	KH 2014 (Triệu đồng)	% Thực hiện 2014
Tổng doanh thu	119.327	231.691	94,16%	177.000	30,09%
Giá vốn hàng bán	66.447	135.992	104,66%	-	-
Lợi nhuận trước thuế	4.695	28.748	512,26%	9.000	219,43%
Lợi nhuận sau thuế	3.790	21.724	473,22%	7.000	210,35%
EPS (đồng)	1.562	8.958	473,22%	-	-
Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	3,29%	9,49%	188,45%	-	-

Năm 2014 đã đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ của Công ty Vietceramics. Tuy vẫn còn non trẻ, mới được thành lập được hơn 3 năm, thương hiệu còn mới nhưng Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh vô cùng khả quan, doanh thu thuần và lợi nhuận đều nhẩy vọt so với năm 2013. Doanh thu thuần đạt 228.82 tỷ đồng tương đương tăng 98,42% so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế của công ty tăng 473,22% so với năm trước, đạt 21.724 tỷ, tương đương với 8.958 đồng lợi nhuận trên mỗi cổ phần công ty.

Phải nói rằng năm 2013 là một bước đệm để có được kết quả vượt bậc của 2014 khi những chính sách chăm sóc khách hàng đem lại hiệu quả. Ngoài ra, sự trở lại của thị trường bất động sản sau cơn khủng hoảng cũng góp phần mang lại kết quả hiện nay.

## Tổ chức và nhân sự

### Ban điều hành



STT	Thành viên ban điều hành	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến ngày 30/06/2014
1	Ông Đỗ Hồng Phúc	Tổng giám đốc	39%
2	Bà Nguyễn Xuân Nhân	Kế toán trưởng	-

### Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

*Công ty không có thay đổi thành viên ban điều hành trong năm tài chính 2014*

Ông: **ĐỖ HỒNG PHÚC**

Chức vụ: Tổng giám đốc

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

Bà **NGUYỄN XUÂN NHÂN**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ: Đại học

Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán

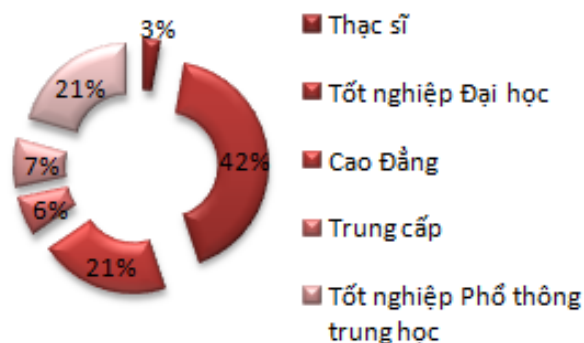
### Tình hình nhân sự

Thu nhập bình quân của công ty năm 2014 đạt 12.000.000vnd/người/tháng, tăng 8%-10% so với năm 2013.

Các chính sách phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghỉ mát,... đều được công ty thực hiện đúng quy định về luật lao động và đảm bảo quyền lợi cho nhân viên

Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc cạnh tranh để nhân viên có cơ hội phát triển năng lực bản thân và có cơ hội thăng tiến trong công việc.

### Cơ cấu nhân sự



Trình độ học vấn	Số nhân viên
Thạc sĩ	4
Tốt nghiệp Đại học	61
Cao Đẳng	30
Trung cấp	9
Tốt nghiệp Phổ thông trung học	11
Phổ thông	30
<b>Tổng cộng</b>	<b>145</b>

## Tình hình đầu tư

Trong năm công ty không thực hiện các dự án lớn, thay vào đó công ty đã đầu tư nâng cấp hệ thống phân phối, bán lẻ như sửa chữa Showroom Sư Vạn Hạnh (TPHCM), di dời kho hàng (HCM) sang địa chỉ mới, tìm địa điểm mở Showroom mới (Hà Nội), đóng Showroom cũ (Hà Nội)...

Đầu tư tài chính: Đầu tư thêm hàng tồn kho để bảo đảm hàng cho bán lẻ, thử nghiệm kinh doanh sâu Thiết bị vệ sinh ...

Chỉ tiêu năm 2014	Hafary Vietnam Pte, LTD (USD)	WORLD STONE (VND)
Doanh thu thuần	83.337.000	103.610.366.572
Lợi nhuận trước thuế	28.012.000	14.253.220.397
Lợi nhuận sau thuế	22.882.000	10.926.403.948

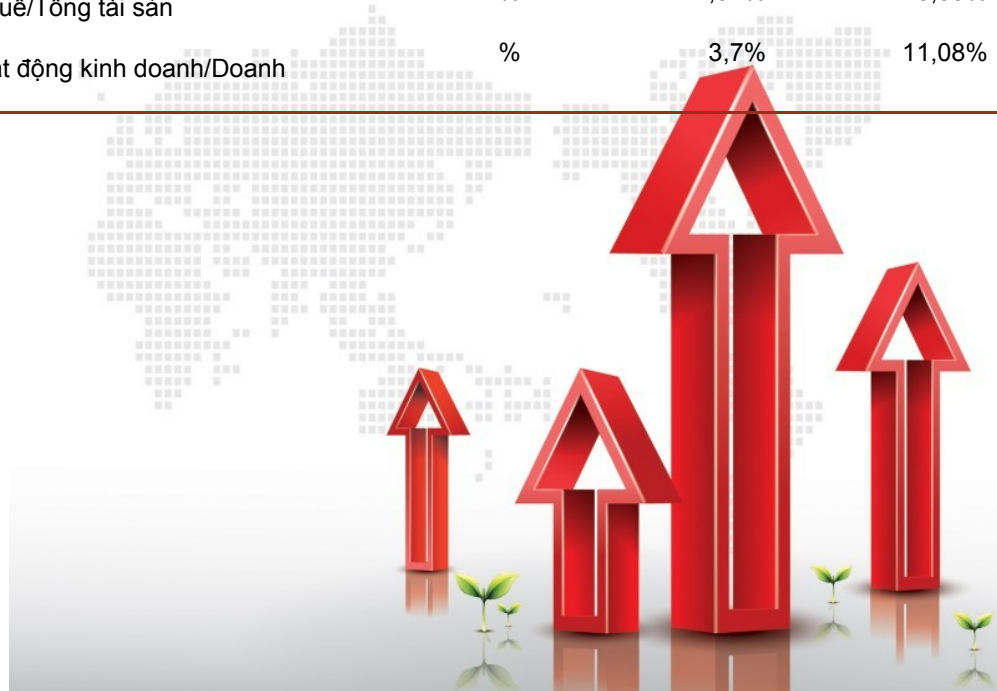
## Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2013 (Triệu đồng)	2014 (Triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	93.079	159.893	71,78%
Doanh thu thuần	115.318	228.819	98,42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.263	27.012	533,64%
Lợi nhuận khác	434	1.737	301,54%
Lợi nhuận trước thuế	4.695	28.748	512,26%
Lợi nhuận sau thuế	3.790	21.724	473,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,7	1,91
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,4	0,74
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,8%	42,7%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,1%	74,4%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,65	2,04
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1,24	1,43
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,29%	9,49%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,42%	23,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,07%	13,59%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,7%	11,08%



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### Cơ cấu cổ đông , thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### Cổ phần

- Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành: 2.425.060 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Thay đổi vốn đầu tư chủ Chủ sở hữu trong năm: không

#### Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Công ty hiện không sở hữu cổ phiếu quỹ và không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm



STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước				
	Cổ đông cá nhân	108	1.236.780	12.367.8000	51%
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
2	Cổ đông nước ngoài				
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	1	1.188.280	11.882.800	49%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>109</b>	<b>2.425.060</b>	<b>24.250.600</b>	<b>100%</b>

### Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

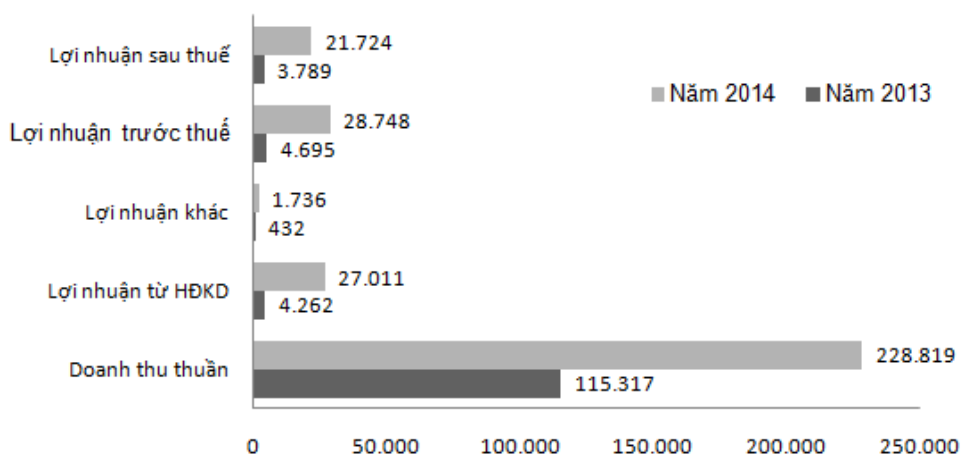
STT	Loại cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông lớn</b>				
1	Hafary Vietnam Pte, LTD	105 Eunos Avenue 3 Hafary Centre Singapore 409836	1.188.280	11.882.800.000	49,00%
2	Đỗ Hồng Phúc	10 đường số 11, tổ 4, khu phố 1, Phường Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức	936.780	9.367.800.000	38,30%
3	Đỗ Hạnh Minh Châu	N41 Hùng Vương, Khu Xuân Bình, Lkhanh, Đà Nẵng	150.000	1.500.000.000	6,20%
4	Đỗ Duy Huynh	362B/5 Bình Triệu, Bình Chánh, Thủ Đức, HCM	140.150	1.401.500.000	5,80%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nhỏ</b>		<b>9.850</b>	<b>98.500.000</b>	<b>0,41%</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.425.060</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>100,00%</b>

## III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

### Tổng quan hoạt động của công ty

Năm 2014, doanh thu thuần của Công ty đạt 228.819 tỷ đồng đạt 110,37% so với kế hoạch và tăng 98% so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 28,7 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm trước. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh bán lẻ được tăng cường, cải thiện thông qua việc hoàn thành, sửa chữa, đưa vào hoạt động các showroom trên cả nước.

Chỉ tiêu	2013 (Triệu đồng)	2014 (Triệu đồng)	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần	115.317	228.819	98%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.262	27.011	534%
Lợi nhuận khác	432	1.736	302%
Lợi nhuận trước thuế	4.695	28.748	512%
Lợi nhuận sau thuế	3.789	21.724	473%



Các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty trong năm tài chính 2014 đều tăng so với cùng kỳ chỉ rõ sự hiệu quả của chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

Hệ số thanh toán năm 2014 giảm so với năm 2013 do khoản vay ngắn hạn khoảng hơn 21 tỷ phát sinh trong năm 2014. Khoản vay này phát sinh bởi nhu cầu mở rộng các kênh phân phối của Công ty tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung, đây là một tín hiệu tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu	2013	2014
ROA	4,07%	13,59%
ROE	5,42%	23,70%
LNST/ Doanh thu thuần	3,29%	9,49%
LN HĐSXKD/ Doanh thu thuần	3,70%	11,80%

### Những tiến bộ công ty đạt được

Hệ thống logistic, phân phối được cải thiện, củng cố nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Chính sách vận chuyển miễn phí cho khách hàng nội thành thành phố Hồ Chí Minh nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng, tạo tiền đề phát triển thêm nhiều đơn hàng mới và doanh thu.



## Tình hình tài chính

- Bảo đảm đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và đầu tư hỗ trợ cho kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế tăng cao tạo thêm nguồn vốn để bảo đảm cho việc cung cấp đủ vốn cho kinh doanh.
- Lập kế hoạch và chuẩn bị nguồn tài chính bảo đảm cho việc đa dạng hóa và cao cấp hóa mã hàng kinh doanh.



## Tình hình tài sản

Trong năm 2014 tổng tài sản của Công ty tăng 71,78% tương ứng với 66,8 tỷ đồng so với năm 2013. Cơ cấu tài sản thay đổi, Tài sản ngắn hạn tăng 52,76% tương ứng tăng 45,1 tỷ so với năm 2013 chủ yếu là do tăng các khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho. Hai khoản tăng này là cho thấy hoạt động bán hàng của công ty vẫn đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Tài sản dài hạn tăng 286,57% tương ứng tăng 21 tỷ đồng so với năm 2013 – trong đó có 20 tỷ đến từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn dùng cho việc mở LC của của công ty.

Hiệu quả sử dụng tài sản:

- Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2014 = 1,43
- Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2013 = 1,24
- Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2013= 0,18
- Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2012 = 0,05

Như vậy khả năng tạo ra doanh thu của tài sản năm 2014 tăng 15,32% so với năm 2013 và khả năng tạo ra lợi nhuận năm 2014 tăng 260% so với 2013. Có thể nói, năm qua Công ty sử dụng tài sản hiệu quả.

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2013 (Triệu đồng)	2014 (Triệu đồng)
<b>I. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>23.129</b>	<b>68.220</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	21.618
2. Phải trả người bán	14.990	24.547
3 Người mua trả tiền trước	5.775	11.104
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	57	6.342
5 Phải trả người lao động	1.200	2.900
6 Chi phí phải trả	1.061	1.225
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	65	483
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Trong năm tài chính 2014, nợ ngắn hạn của Công ty tăng 43,1 tỷ đồng nhằm phục vụ cho công tác đẩy mạnh kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối. Công ty tiếp tục không thực hiện các khoản vay dài hạn trong năm 2014.

Đến hết tháng 6 năm 2014, Công ty còn khoản phải trả thương mại trị giá 1.00 triệu USD và 205 ngàn EUR. Vay ngoại tệ là 1 triệu USD này, Công ty đã thực hiện duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Với chỉ tiêu luôn đảm bảo tài chính công ty lành mạnh, Ban lãnh đạo và bộ phận kế toán luôn theo sát tình hình nợ vay, khả năng thanh toán khoản vay ngắn hạn và hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính trong thời gian này. Chính sách trả chậm cho các đại lý, bạn hàng vẫn được kiểm soát chặt chẽ, loại bỏ tối đa khả năng mất vốn. Tính đến hiện nay, công ty không có các khoản nợ xấu mất khả năng thanh toán hoặc cần trích lập dự phòng.





### Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang dần hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả từ công tác này, thông qua việc ủy quyền, phân cấp quản lý, gắn liền kiểm tra, soát xét với từng vị trí công việc, tinh giảm các vị trí nhân sự làm việc không hiệu quả.

Quy trình tuyển dụng, đào tạo tiếp tục được nâng cao, tăng cường nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, hợp tác với các đối tác nước ngoài như Đức, Ý. Công tác đào tạo đội ngũ bán hàng, quản lý nhân lực và lãnh đạo được chú trọng.



### Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng, phát triển hệ thống đại lý trên toàn quốc để mở rộng hơn nữa thị trường bán lẻ.
- Mở các Showroom chiến lược tại các thành phố lớn nhằm thu hút sự quan tâm của khách hàng, có ấn tượng tốt với công ty về dòng sản phẩm cao cấp.
- Xúc tiến chào hàng trực tiếp tại các công trình, hỗ trợ tư vấn thiết kế tại chỗ, linh động cho khách hàng.
- Củng cố sự hợp tác với các kiến trúc sư, thông qua các chương trình sự kiện, ký kết hợp tác, tài trợ các hoạt động của Hội kiến trúc sư thành phố nhằm tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho Công ty.
- Khuyến khích, động viên đội ngũ công nhân viên Công ty thông qua các phong trào, chiến dịch bán hàng có thưởng, các cuộc thi tài năng nhằm đẩy mạnh tinh thần cạnh tranh lành mạnh trong Công ty. Ban Tổng Giám đốc tăng cường lắng nghe, đối thoại trực tiếp với bộ phận bán hàng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ.
- Theo dõi sát tình hình thị trường, có bước chuẩn bị, liên lạc với đối tác nhằm tìm kiếm và nắm bắt cơ hội kịp thời.

## IV. Báo cáo của Hội đồng Quản trị



### Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm tài chính 2014, HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn đồng hành với nhau trong công tác điều hành cũng như tiến hành giá sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Kết thúc năm tài chính 2014 tổng tài sản của công ty tăng 66,8 tỷ đồng đạt 159,9 tỷ đồng tương đương với mức tăng 71,78% so với năm 2013. Vốn chủ sở hữu tăng 31,06% so với năm 2013, đạt 91,6 tỷ đồng. Doanh thu thuần đạt 233,124 tỷ đồng tăng 98,42% so với cùng kỳ năm trước và vượt kế hoạch 2014 1,1 lần.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 đã đạt được nhiều thành tích đáng kể. Tình hình tài chính ổn định; tình hình xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới kinh doanh vẫn đang được tiến hành một cách hiệu quả và cần trọng.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc là những người có trình độ trong lĩnh vực chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm trong quản trị doanh nghiệp cũng như ngành nghề của công ty. Những con số tăng trưởng của các năm qua cho thấy được tầm nhìn và khả năng triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Tổng giám đốc là rất tốt.

Với các chỉ tiêu sinh lợi đều tăng trưởng tốt, tình hình tài chính an toàn, hoạt động kinh doanh mở rộng, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.



### Kế hoạch của Hội đồng quản trị

Chỉ tiêu	2014 (triệu đồng)	2015 (triệu đồng)	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần	228.819	266.795	16,60%
Lợi nhuận trước thuế	28.748	29.188	1,53%

**Kế hoạch thị trường:** Năm tài chính kế tiếp (2015) Công ty hướng đến các mục tiêu chính:

- Về thị trường**
  - Tăng cường xem xét khả năng vươn ra thị trường khu vực Đông Nam Á.
  - Bảo đảm độ phủ đại lý lớn đến các thành phố và tỉnh thành lớn Việt nam
  - Trở thành công ty dẫn đầu xu hướng thị trường gạch và là một trong 3 nhà phân phối gạch hàng đầu Việt nam.
- Về sản phẩm**
  - Tăng cường đầu tư hàng hóa, dịch vụ cao cấp bảo đảm đáp ứng nhu cầu của thị trường
  - Bảo đảm phục vụ khách hàng tốt nhất cả về sản phẩm, dịch vụ, tiện ích và cam kết cung cấp các sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo TCVN quy định.
  - Hướng đến thị trường TBVS, bán và làm công tác thị trường dần đi đến kinh doanh chính thức

**Kế hoạch nhân sự**

Có kế hoạch để bảo đảm đủ nguồn nhân lực cho định hướng kinh doanh 2015  
Bảo đảm công tác đào tạo cho nhân viên bán hàng và quản lý cho bộ máy quản lý  
Sắp xếp lại nhân sự kinh doanh bảo đảm việc đào tạo nội bộ về kiến thức sản phẩm, tư vấn khách hàng, quy trình bán hàng...

**Kế hoạch tài chính**

Bổ sung thêm nguồn tài chính để đảm bảo cho các mục tiêu kinh doanh thông qua dòng tài chính bên ngoài  
Kế hoạch làm việc với ngân hàng đàm phán điều chỉnh hạn mức, tăng cường các công cụ tài chính hỗ trợ để bảo đảm tài chính cho hoạt động công ty.  
Xem xét chính sách tín dụng cho khách hàng để thúc đẩy việc thu hồi nhanh công nợ.

## V. Quản trị Công ty

### Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đến 30/06/2014	Đại diện vốn
1	Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT	38,6%	-
2	Đỗ Mạnh Minh Châu	Thành viên	6,2%	-
3	Đỗ Duy Huỳnh	Thành viên	5,8%	-
4	Low Kok Ann	Phó chủ tịch HĐQT	-	49% (Hafary Vietnam PTE, LTD)
5	Low See Ching	Thành viên	-	
6	Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên	-	

Xét quy mô hiện nay, công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ theo từng thời kỳ và dựa trên hoạt động của công ty.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2014 Hội đồng quản trị công ty đã có 3 buổi họp để thống nhất các nội dung sau:

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/2013-NQ	19/08/2013	Hoạch định kế hoạch tài chính 2013-2014; Định hướng phát triển và kế hoạch đầu tư 2013-2014
2	01/2014-NQ	01/02/2014	Cử đại diện pháp luật giao dịch với Ngân hàng Vietcombank; Thông qua hạn mức tín dụng – bảo lãnh với VCB; Thông qua việc vay vốn từ Hafary (1.000.000USD)
3	03/2014-NQ	23/06/2014	Hoạch định kế hoạch kinh doanh, đầu tư, chi phí 2014-2015

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Hiện Công ty không có tiểu ban

**Danh sách các TV HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không có

**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:** Trong HĐQT, chỉ có Ông Đỗ Hồng Phúc trực tiếp điều hành doanh nghiệp, các thành viên còn lại đều là thành viên không điều hành.

**Danh sách các TV HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** không

## Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến 30/06/2014
1	Wu Pei Cong	Trưởng Ban	-
2	Mai Thị Xuân Vương	Thành viên	-
3	Mai Quốc Khoa	Thành viên	-

Trong năm tài chính 2014, các thành viên Ban kiểm soát không có sự thay đổi về nhân sự. Ban kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình được quy định trong điều lệ Công ty. Đồng thời, ban kiểm soát cũng đã áp dụng các quy chế hoạt động riêng, đảm bảo hoạt động đúng quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 3 lần trong năm 2014 với nội dung họp cụ thể như sau

- Lần 1: Đánh giá hoạt động của năm 2013 và đề ra kế hoạch hoạt động năm 2014.
- Lần 2: soát xét các báo cáo trong 6 tháng đầu năm tài chính, đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và tình hình tài chính công ty.
- Lần 3: họp soát xét báo cáo tài chính cả năm.

## Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

### • Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

Trong năm qua, ngoài Ông Đỗ Hồng Phúc là Tổng giám đốc công ty nhận một khoản lương là 1.263.660.000 đồng, còn lại các thành viên của HĐQT, BKS không nhận thù lao.

### • *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

### • *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

Trong năm không phát sinh hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.

### • *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Thực hiện theo quy định thông tư số 121/2012/TT-BTC về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị đã soạn thảo và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty nhằm chuẩn hóa các hoạt động liên quan đến quản trị công ty.



## VII. Báo cáo tài chính kiểm toán



Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027  
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.508/BCKT-DTL

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị,  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT**

#### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm SỮ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), và Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 07 năm 2014 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt và Công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**DIỆC LỆ BÌNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1714-2013-026-1

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>130.612.754.154</b>	<b>85.504.422.307</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>13.889.789.738</b>	<b>13.359.966.132</b>
1. Tiền	111		6.845.219.339	2.759.966.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.044.570.399	10.600.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5.2	<b>30.726.960.514</b>	<b>12.084.482.634</b>
1. Phải thu khách hàng	131		26.961.984.625	10.393.946.384
2. Trả trước cho người bán	132		3.404.859.362	1.612.517.148
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		360.116.527	78.019.102
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>80.265.447.617</b>	<b>53.132.869.823</b>
1. Hàng tồn kho	141		81.071.935.084	53.671.402.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(806.487.467)	(538.532.369)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.730.556.285</b>	<b>6.927.103.718</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.312.253.642	728.168.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.301.254.543	2.624.139.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.884.793.049	260.715.064
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		232.255.051	3.314.080.741

(phần tiếp theo trang 06)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.280.406.995</b>	<b>7.574.318.455</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.303.582.866</b>	<b>1.455.174.292</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.128.729.539	1.177.774.293
+ Nguyên giá	222		3.009.274.814	1.484.427.673
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(880.545.275)	(306.653.380)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	174.853.327	277.399.999
+ Nguyên giá	228		307.640.000	307.640.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.786.673)	(30.240.001)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	20.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.976.824.129</b>	<b>6.119.144.163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.917.717.488	3.267.157.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	332.588.641	181.538.186
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	2.726.518.000	2.670.448.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>159.893.161.149</b>	<b>93.078.740.762</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

6



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.219.455.680</b>	<b>23.129.203.998</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.219.455.680</b>	<b>23.129.203.998</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	21.617.805.000	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	24.546.734.831	14.989.698.776
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	11.104.422.236	5.755.718.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	6.342.063.609	57.548.592
5. Phải trả người lao động	315	5.14	2.900.000.000	1.200.000.000
6. Chi phí phải trả	316	5.15	1.225.455.165	1.061.201.385
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		482.974.839	65.036.345
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.673.705.469</b>	<b>69.949.536.764</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>91.673.705.469</b>	<b>69.949.536.764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	24.250.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	43.328.949.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.094.156.169	2.369.987.464
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>159.893.161.149</b>	<b>93.078.740.762</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		5.004,57	100,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

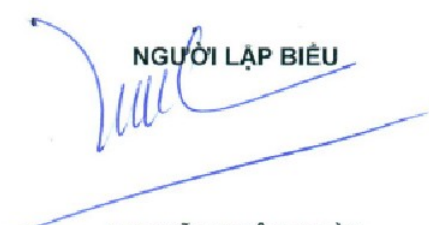
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	233.124.552.502	117.010.783.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	4.305.225.700	1.692.874.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.819.326.802	115.317.909.214
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	135.991.531.727	66.446.490.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.827.795.075	48.871.419.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.005.926.869	854.997.394
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.477.050.335	805.673.107
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>379.159.904</i>	<i>590.752.853</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	54.541.542.899	36.024.068.466
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.803.574.011	8.633.774.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.011.554.699	4.262.900.675
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.866.179.987	3.154.797.285
12. Chi phí khác	32	6.8	129.435.198	2.722.277.718
13. Lợi nhuận khác	40		1.736.744.789	432.519.567
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		28.748.299.488	4.695.420.242
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	7.175.181.238	1.087.115.858
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	(151.050.455)	(181.538.188)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		21.724.168.705	3.789.842.569
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		21.724.168.705	3.789.842.569
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.16.4	8.958,20	1.562,78

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



**NGUYỄN XUÂN NHÂN**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



**ĐỖ HỒNG PHÚC**  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.748.299.488	4.695.420.242
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		949.355.067	739.894.394
Các khoản dự phòng	03		267.955.098	639.418.332
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa	04		272.395.512	92.368.185
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(993.602.475)	(2.534.877.418)
Chi phí lãi vay	06		379.159.904	590.752.853
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>29.623.562.594</b>	<b>4.222.976.588</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.094.874.816)	(19.691.238.501)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.400.532.891)	(13.097.410.549)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.739.612.454	(13.765.608.618)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.037.810.878)	252.976.340
Tiền lãi vay đã trả	13		(379.159.904)	(590.752.853)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.131.439.072)	(1.107.442.307)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.937.658.222	5.423.952.639
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.828.331.602)	(8.693.266.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>428.684.107</b>	<b>(47.045.813.642)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.994.597.809)	(1.947.496.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	2.630.225.886
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		993.602.475	806.085.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(21.000.995.334)</b>	<b>1.488.814.805</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

10

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	57.579.549.300
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.622.552.013	33.876.988.762
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.520.417.180)	(33.876.988.762)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	46.230.223
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.102.134.833</b>	<b>57.625.779.523</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>529.823.606</b>	<b>12.068.780.686</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.359.966.132	1.291.185.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>13.889.789.738</b>	<b>13.359.966.132</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP

**NGUYỄN XUÂN NHÀN**

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

**ĐỖ HỒNG PHÚC**

Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần đây nhất là 24.250.600.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác;
- Bán buôn các loại đá thiên nhiên, đá hoa cương, đá cẩm thạch.
- Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, vec ni và sơn bóng; kính phẳng; gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; thiết bị và vật liệu để tự làm; máy cắt cỏ; phòng tắm hơi.

#### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

##### Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Đá Thế Giới	778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/07 đến 30/06. Riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu cho giai đoạn chuyển đổi phát sinh từ 1/1/2013 đến 30/06/2013.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh khi thanh toán và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu".

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## 4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí chờ kết chuyển khác và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## 4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| + Phương tiện vận tải truyền dẫn | 01 - 06 năm |
| + Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |



## 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

- + Tài sản cố định vô hình 03 năm

## 4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

## 4.9 Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

## 4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

## 4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## 4.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## 4.13 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 là 25% và chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 là 22%.
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

## 4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(phần tiếp theo ở trang 17)

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	426.018.378	268.088.803
Tiền gửi ngân hàng	6.419.200.961	2.491.877.329
Các khoản tương đương tiền	7.044.570.399	10.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.889.789.738</b>	<b>13.359.966.132</b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	10.393.946.384
Trả trước cho người bán	3.404.859.362	1.612.517.148
Các khoản phải thu khác	360.116.527	78.019.102
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30.726.960.514</b>	<b>12.084.482.634</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>30.726.960.514</b>	<b>12.084.482.634</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 8	-	2.663.996.402
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.663.996.402</b>

#### 5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	954.097.358	144.187.146
Công cụ, dụng cụ	-	481.968.017
Hàng hóa	80.117.837.726	53.045.247.029
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>81.071.935.084</b>	<b>53.671.402.192</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(806.487.467)	(538.532.369)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>80.265.447.617</b>	<b>53.132.869.823</b>

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### 5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	594.435.060	350.422.516
Chi phí chờ kết chuyển	717.818.582	377.745.591
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.312.253.642</b>	<b>728.168.107</b>

### 5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là khoản thuế nhập khẩu được hoàn lại.

### 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND
				Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	389.583.119	576.972.331	517.872.223	1.484.427.673
Mua trong năm	1.705.814.045	213.401.364	75.382.400	1.994.597.809
Giảm khác	-	(469.750.668)	-	(469.750.668)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.095.397.164</b>	<b>320.623.027</b>	<b>593.254.623</b>	<b>3.009.274.814</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	104.668.303	111.216.629	90.768.448	306.653.380
Khấu hao trong năm	289.696.324	269.102.067	288.010.004	846.808.395
Giảm khác	-	(272.916.500)	-	(272.916.500)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>394.364.627</b>	<b>107.402.196</b>	<b>378.778.452</b>	<b>880.545.275</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	284.914.816	465.755.702	427.103.775	1.177.774.293
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.701.032.537</b>	<b>213.220.831</b>	<b>214.476.171</b>	<b>2.128.729.539</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.703.481 đồng.

(phần tiếp theo ở trang 19)

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

### 5.7. Tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm Microsoft
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	307.640.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>307.640.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	30.240.001
Khấu hao trong năm	102.546.672
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>132.786.673</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	277.399.999
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>174.853.327</b>

### 5.8. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản tiền gửi dài hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Vietcombank. Lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn gửi là 13 tháng. Mục đích gửi tiền là làm tài sản thế chấp để mở LC.

### 5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thi công sửa chữa văn phòng 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	333.477.165	-
Chi phí sửa chữa và thiết kế các showroom	3.190.091.780	2.983.671.327
Phân bổ chi phí thi công kho chứa thiết bị vệ sinh	312.066.747	133.485.000
Phân bổ công cụ dụng cụ	82.081.796	150.001.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.917.717.488</b>	<b>3.267.157.977</b>

### 5.10. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước	543.888.000	543.888.000
Đặt cọc thuê nhà	2.127.630.000	2.071.560.000
Đặt cọc thuê showroom	50.000.000	50.000.000
Chi tiền ký quỹ sử dụng dịch vụ Taxi Mai Linh	5.000.000	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.726.518.000</b>	<b>2.670.448.000</b>

### 5.11. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay USD của Công ty Hafary PTE LD theo Hợp đồng vay số 01/VCI-H ngày 1/2/2014. Giá trị 1.017.500 USD (tương đương 21.617.805.000 VND). Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất 4,5%/năm – xem thêm mục 8.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	24.546.734.831	14.989.698.776
Người mua trả tiền trước	11.104.422.236	5.755.718.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.651.157.067</b>	<b>20.745.417.676</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Hafary International PTE – xem thêm mục 8.	4.051.494.073	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.051.494.073</b>	

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	246.165.671	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.043.742.165	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.155.773	57.548.592
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.342.063.609</b>	<b>57.548.592</b>

### 5.14. Phải trả người lao động

Là khoản trích dự phòng quỹ lương.

### 5.15. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước hoa hồng	-	603.623.857
Trích trước chi phí vận chuyển	1.150.503.027	261.972.890
Trích trước chi phí gia công	-	65.523.650
Trích trước chi phí khác	74.952.138	130.080.988
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.225.455.165</b>	<b>1.061.201.385</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

### 5.16. Vốn chủ sở hữu

#### 5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.250.600.000	43.328.949.300	(1.419.855.105)	66.159.694.195
Lợi nhuận năm trước	-	-	3.789.842.569	3.789.842.569
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b><u>24.250.600.000</u></b>	<b><u>43.328.949.300</u></b>	<b><u>2.369.987.464</u></b>	<b><u>69.949.536.764</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.724.168.705	21.724.168.705
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>24.250.600.000</u></b>	<b><u>43.328.949.300</u></b>	<b><u>24.094.156.169</u></b>	<b><u>91.673.705.469</u></b>

#### 5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	12.367.800.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	11.882.800.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>24.250.600.000</u></b>	<b><u>24.250.600.000</u></b>

#### 5.16.3. Cổ phần

	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.425.060	2.425.060

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

#### 5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	21.724.168.705	3.789.842.569
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	<u>2.425.060</u>	<u>2.425.060</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b><u>8.958,20</u></b>	<b><u>1.562,78</u></b>

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	233.124.552.502	117.010.783.595
Hàng bán bị trả lại	(4.305.225.700)	(1.673.352.405)
Giảm giá hàng bán	-	(19.521.976)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>228.819.326.802</b>	<b>115.317.909.214</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	135.713.833.309	65.807.071.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	277.698.418	639.418.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.991.531.727</b>	<b>66.446.490.167</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	993.602.475	806.085.680
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.324.394	33.899.035
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.012.679
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.005.926.869</b>	<b>854.997.394</b>

#### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	379.159.904	590.752.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	825.494.919	107.539.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	272.395.512	107.380.864
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.477.050.335</b>	<b>805.673.107</b>

#### 6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên bán hàng	14.123.788.144	8.956.464.627
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.119.503.752	1.325.826.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.355.067	739.159.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.670.325.351	17.653.988.841
Chi phí bằng tiền khác	8.678.570.585	7.348.628.639
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.541.542.899</b>	<b>36.024.068.466</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.299.219.665	6.203.876.649
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	164.266.308	147.430.156
Thuế, phí và lệ phí	191.491.978	375.213.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062.854.306	998.339.207
Chi phí bằng tiền khác	1.085.741.754	908.915.130
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.803.574.011</b>	<b>8.633.774.194</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí vận chuyển	88.688.909	34.251.208
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	316.017.273	42.727.272
Thu thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	-	2.630.225.886
Chiết khấu thanh toán	786.811.925	328.944.749
Khác	674.661.880	118.648.170
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.866.179.987</b>	<b>3.154.797.285</b>

### 6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.767.075.577
Chi thanh lý tài sản cố định	-	901.434.148
Khác	129.435.198	53.767.993
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.435.198</b>	<b>2.722.277.718</b>

(phần tiếp theo ở trang 24)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và công ty con	28.748.299.488	5.750.567.920
Điều chỉnh để xác định thu nhập tính thuế		
+ Cộng các khoản chi phí không được trừ	2.678.171.331	510.863.540
+ Cộng lãi chưa thực hiện của năm nay	1.107.591.766	1.335.431.706
+ Trừ chuyển lỗ các năm trước chuyển sang	(343.966.798)	(1.384.772.549)
+ Trừ lãi chưa thực hiện của năm trước	(1.657.409.669)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	30.532.686.118	6.212.090.617
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 25%	15.266.343.059	6.212.090.617
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 22%	15.266.343.059	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 25%	3.816.585.765	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 22%	3.358.595.473	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.175.181.238	1.553.022.654
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012	-	(465.906.796)
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>7.175.181.238</b>	<b>1.087.115.858</b>

Theo luật thuế TNDN có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế TNDN giảm xuống là 22%.

### 6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	VND	
	Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	181.538.186	181.538.186
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(151.050.455)	(151.050.455)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>332.588.641</b>	<b>332.588.641</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

## 6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	143.201.030.662	66.446.490.167
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.283.770.060	1.473.256.980
Chi phí nhân công	22.423.007.809	15.160.341.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.355.067	739.894.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.754.483.587	18.619.353.708
Chi phí khác bằng tiền	11.540.985.920	12.192.947.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>210.152.633.105</b>	<b>114.632.283.652</b>

## 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh gốm sứ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn đồ dùng khác trong gia đình nên báo cáo tài chính đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.	Cổ đồng chính
2. Công ty TNHH Hafary PTE	Công ty mẹ
3. Công ty TNHH Hafary International PTE	Công ty cùng Tập đoàn
4. Công ty TNHH Foshan Hafary Trading	Công ty cùng Tập đoàn
5. Công ty TNHH Gốm sứ Việt	Công ty có cùng cá nhân nắm quyền kiểm soát

▪ Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 5.2	-	2.663.996.402
Công ty TNHH Hafary International PTE – xem thêm mục 5.12	(4.051.494.073)	-
Công ty TNHH Hafary PTE – xem thêm mục 5.11	(21.617.805.000)	

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Hafary PTE</b>		
Nhận tiền vay	21.617.805.000	-
<b>Công ty TNHH Hafary International PTE</b>		
Mua hàng	4.261.229.093	-
<b>Công ty TNHH Foshan Hafary Trading</b>		
Mua hàng	173.357.676	-
<b>Công ty TNHH Gốm sứ Việt</b>		
Mua hàng	-	93.873.043
Bán hàng	-	3.306.625.530

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.263.660.000	1.451.370.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.263.660.000</b>	<b>1.451.370.000</b>

### 9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

(phần tiếp theo ở trang 27)

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/07/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.889.789.738	13.359.966.132
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	10.393.946.384
Đầu tư dài hạn khác	20.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn	2.729.867.121	5.922.713.741
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.581.641.484</b>	<b>29.676.626.257</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	-
Phải trả người bán	24.546.734.831	14.989.698.776
Chi phí phải trả	1.225.455.165	1.061.201.385
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.389.994.996</b>	<b>16.050.900.161</b>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/07/2013	30/06/2014	01/07/2013
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.902.853,45	528.778,57	51.596,28	138.691,92
<i>Euro (EUR)</i>	205.005,48	21.317,44	-	12.653,83

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

### Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

		VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Tổng
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	21.617.805.000
Phải trả người bán	24.546.734.831	24.546.734.831
Chi phí phải trả	1.225.455.165	1.225.455.165
		VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.989.698.776	14.989.698.776
Chi phí phải trả	1.061.201.385	1.061.201.385

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

(phần tiếp theo ở trang 29)

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	-	26.961.984.625
Đầu tư dài hạn khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	3.349.121	2.726.518.000	2.729.867.121

			VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	10.393.946.384	-	10.393.946.384
Ký quỹ, ký cược	3.252.265.741	2.670.448.000	5.922.713.741

## 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 07 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP

**NGUYỄN XUÂN NHÂN**

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

**ĐỖ HỒNG PHÚC**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT**

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

TP.HCM, Ngày 10 tháng 02 năm 2014



*Đỗ Hồng Phúc*





**VIET CERAMICS®**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT**

**778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh**

**Điện thoại: 848.38457699 Fax: 848.38457388**